

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-01-2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hiền

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 543/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

Chỗ ở: Tổ A, khu phố B, phường C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Trần Thế P, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp I, xã O, huyện Núi Sập, tỉnh An Giang

Chỗ ở: Tổ A, khu phố B, phường C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Thế P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng đến ngày 21/7/2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống với nhau được năm hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, cách sống nên dẫn đến cãi vã nhau, khi bất đồng quan điểm ông P có

hành hung bà. Do đó tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, nội ngoại hai bên đều biết vợ chồng mâu thuẫn đều có tác động khuyên nhủ nhưng không thành.

Vì không còn tình cảm với ông P nên bà đã dọn ra khỏi nhà chung từ tháng 8 năm 2020. Bà và ông P ly thân với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân ông P có ý định hàn gắn nhưng bà không đồng ý.

Nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thế P.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà và ông P có 02 con chung là Trần Thị Thùy T, sinh năm 1992 và Trần Thị Thùy D, sinh ngày 25/4/2002. Vì các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Trần Thế P trình bày:

-Về tình cảm: Ông và bà N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 cho đến ngày 21/7/2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống chung với nhau tuy có va chạm nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, theo ông thì những mâu thuẫn trên không dẫn đến ly hôn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng có tiếng nói chung. Trong quá trình chung sống bà N có những lời lẽ ảnh hưởng hôn nhân của cả hai, từ đó mâu thuẫn vợ chồng có chiều hướng trầm trọng hơn. Đến tháng 8 năm 2020 bà N tự ý dọn ra khỏi nhà, ông có điện thoại đề hàn gắn nhưng bà N không đồng ý.

Trong cuộc sống hôn nhân ông không có lỗi, ông hiện vẫn còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà N và ông có 02 con chung là Trần Thị Thùy T, sinh năm 1992 và Trần Thị Thùy D, sinh ngày 25/4/2002. Vì các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo nội dung Đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bị đơn có địa chỉ tại phường C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ nên không thuộc trường hợp cần Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[2] Nội dung giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị N và ông Trần Thế P đã tự nguyện chung sống với nhau và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân thị trấn L, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang vào ngày 21/7/2005 nên hôn nhân giữa bà N và ông P là hợp pháp.

Theo bà N thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà và ông P là do khác biệt về tính tình quan điểm sống, cách sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến hôn nhân rạn nứt.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông P thừa nhận giữa ông và bà N có mâu thuẫn nhưng không đáng kể, bà N có tình cảm với người khác, ông không có lỗi trong cuộc sống hôn nhân với bà N nên không đồng ý ly hôn.

Qua đó khẳng định mâu thuẫn giữa bà N và ông P là có thật, hôn nhân không thể hàn gắn.

Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông P đã đến mức trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, cho bà N được ly hôn với ông P.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà N và ông P có 02 con chung là Trần Thị Thùy T, sinh năm 1992 và Trần Thị Thùy D, sinh ngày 25/4/2002. Vì các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà N và ông P được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị N được ly hôn với ông Trần Thế P.

- Về con chung: Các con chung giữa bà N và ông P đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 006038 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ

án theo thủ tục phúc thẩm (riêng đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- Ủy ban nhân dân thị trấn L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồng Thái